Mẫu CBTT/SGDHCM-09
Appendix CBTT/SGDHCM-09
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGĐ SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

VIETNAM – ITALY STEEL JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 43 /CV-VIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 27/12/2021 ĐỂ TỔ CHỨC XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DECEMBER 27TH, 2021 FOR THE PURPOSE OF ORGANIZATION GENERAL SHAREHOLDER MEETING BY QUESTIONNAIRE SURVEY

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ *SHAREHOLDING STRUCTURE*:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ *Shareholding structure on type of shareholder basis*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức	*Cá nhân*
NO.	*Subject*	*Number of shares*	*Proportional ownership (%)*	*Number of shareholders*	*Institution*	*Individual*
1	Cổ đông Nhà nước/The State as shareholder	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders					
	- Trong nước/Domestic	14.767.005	20,00%	1	1	-
	- Nước ngoài/Foreign	54.490.677	73,81%	1	1	-
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	-		-	-	-
	- Trong nước/Domestic	-		-	-	-
	- Nước ngoài/Foreign					

Signature Not Verified
Ký bởi: Công ty Cổ Phần Thép Việt Ý
Ký ngày: 11/1/2022 11:55:22

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức	*Cá nhân*
NO.	*Subject*	*Number of shares*	*Proportional ownership (%)*	*Number of shareholders*	*Institution*	*Individual*
		-		-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	-		-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	-		-	-	-
7	Cổ đông khác/ Other shareholders					
	- Trong nước/ Domestic	4.381.034	5,93%	1.466	25	1.441
	- Nước ngoài/Foreign	191.677	0,26%	44	8	36
TỔNG CỘNG/ TOTAL		**73.830.393**	**100.00%**	**1.512**	**35**	**1.477**
Trong đó: *- Trong nước/Domestic*		19.148.039	25,94%	1.467	26	1.441
- Nước ngoài/Forein		54.682.354	74,06%	45	9	36

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ *Shareholding structure*	
					Tổ chức	*Cá nhân*
NO.	*Subject*	*Number of Share*	*Proportional ownership (%)*	*Number of Shareholders*	*Institution*	*Individual*
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ *Major Shareholders (excluding Profestional investors)*	-	-	-	-	-
	- Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VĐL trở lên/ *Profestional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital*	69.257.682	93,81%	2	2	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ *Shareholding structure*	
					Tổ chức	*Cá nhân*
	- Trong nước/ Domestic	14.767.005	20,00%	1	1	-
	- Nước ngoài/ Foreign	54.490.677	73,81%	1	1	-
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VĐL *Profestional investors which hold share in an amount under 5 % of the paid-up capital*	79.155	0,11%	28	28	-
	- Trong nước/ Domestic	1.250	0,00%	20	20	-
	- Nước ngoài/ Foreign	77.905	0,11%	8	8	-
TỔNG CỘNG/ *Total*		**69.336.837**	**93,92%**	**30**	**30**	**-**

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	*Number of transfer restriction shares*	*Number of free transfer shares*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
I. Người nội bộ/ *Internal persons*	-	**103**	**103**	**0,00%**
II. Cổ phiếu quỹ/ *Treasury stocks*	-	-	-	-
III. Công đoàn Công ty/ *Labor Union*	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ *Shareholders own preferred stocks (If any)*	-	-	-	-
V. Cổ đông khác/ *Other Shareholders*	-	**73.830.290**	**73.830.290**	**100,00%**
1. Trong nước/ *Domestic*	-	***19.148.039***	***19.148.039***	***25,94%***
1.1 Cá nhân/ *Individual*	-	4.361.105	4.361.105	5,91%
1.2 Tổ chức/ *Institutional* *- Trong đó Nhà nước/State*	-	14.786.934	14.786.934	20,03%

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	*Number of transfer restriction shares*	*Number of free transfer shares*	*Total*	*Proportional ownership (%)*
Shareholders:				
***2. Nước ngoài/** Foreign*	-	***54.682.354***	***54.682.354***	***74,06%***
2.1 Cá nhân/ *Individual*	-	113.7725	113.7725	0,15%
2.2 Tổ chức/ *Institutional*	-	4.568.582	4.568.582	73,91%
TỔNG CỘNG/*TOTAL*:	-	**73.830.393**	**73.830.393**	**100,00%**

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

***Cổ đông lớn/** Major Shareholders*

1	Công ty CP Thương Mại Thái Hưng	4600310787	10/12/2018	Tổ 14, Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	14.767.005	20,00%	
2	Kyoei Steel., Ltd	1200-01-062898	21/8/1947	1-4-16Dojimahama, Kita-ku, Osaka, Japan	54.490.677	73,81%	
Tổng Cộng / *Total*					**69.257.682**	**93,81%**	

Nơi nhận:
- Như Kính gửi;
- Lưu: Văn thư, Người CBTT.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/ Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Ngọc Hưng